

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		730.276.431.044	753.826.286.329
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	83.685.440.362	51.478.243.869
111	1. Tiền		83.685.440.362	51.478.243.869
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		45.000.000.000	-
121	1. Các khoản đầu tư ngắn hạn		45.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		165.662.573.370	142.120.330.034
131	1. Phải thu khách hàng		154.198.159.097	112.448.107.692
132	2. Trả trước cho người bán	5	10.212.047.293	31.683.327.987
135	4. Các khoản phải thu khác	6	3.312.467.325	74.392.561
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.060.100.345)	(2.085.498.206)
140	III. Hàng tồn kho	7	418.988.929.756	543.502.062.085
141	1. Hàng tồn kho		419.456.080.935	543.660.107.740
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(467.151.179)	(158.045.655)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		16.939.487.556	16.725.650.341
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.834.951.215	1.580.767.051
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		12.096.535.686	13.250.098.824
154	3. Thuế phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.008.000.655	1.894.784.466
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		417.778.700.531	433.269.675.708
220	I. Tài sản cố định		409.526.581.535	429.962.122.666
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	368.324.819.197	284.744.047.302
222	Nguyên giá		629.356.770.542	494.105.922.147
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(261.031.951.345)	(209.361.874.845)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	29.084.964.173	29.013.923.110
228	Nguyên giá		50.376.360.314	49.541.944.776
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.291.396.141)	(20.528.021.666)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	12.116.798.165	116.204.152.254
250	II. Khoản đầu tư tài chính dài hạn		294.020.000	294.020.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	-	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		294.020.000	294.020.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		7.958.098.996	3.013.533.042
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.102.861.087	1.787.224.398
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.2	2.664.837.909	1.065.908.644
268	3. Tài sản dài hạn khác		190.400.000	160.400.000
269	IV. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.148.055.131.575	1.187.095.962.037

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		620.507.209.989	637.439.109.437
310	I. Nợ ngắn hạn		616.484.209.989	623.546.702.911
311	1. Vay ngắn hạn	14	292.690.478.278	361.971.385.357
312	2. Phải trả người bán		179.417.050.076	127.083.750.835
313	3. Người mua trả tiền trước		592.842.014	1.353.412.777
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.780.703.784	7.141.701.191
315	5. Phải trả người lao động		69.604.090.741	70.888.285.281
316	6. Chi phí phải trả	16	27.403.760.573	28.204.490.416
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	23.335.867.271	15.776.589.276
329	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	8.440.070.755	4.648.537.973
323	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6.219.346.497	6.478.549.805
330	II. Nợ dài hạn		4.023.000.000	13.892.406.526
333	1. Phải trả dài hạn khác		523.000.000	1.019.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	-	9.373.406.526
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.500.000.000	3.500.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		527.571.199.282	549.674.522.130
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	527.571.199.282	549.674.522.130
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		269.878.430.000	269.878.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		62.295.088.755	62.295.088.755
414	3. Cổ phiếu quỹ		(14.367.110.657)	(14.367.110.657)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		80.151.000.510	77.177.527.175
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		26.987.843.000	25.161.897.230
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		102.625.947.675	129.528.689.627
439	C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ		(23.277.696)	(17.669.530)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.148.055.131.575	1.187.095.962.037

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ : Đô la Mỹ	232.564	64.243
Ngoại tệ : EUR	-	-

Ghi chú : Các số ghi trong dấu () là số âm.

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Duy Hưng

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Văn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	510.202.549.589	478.795.475.779	1.801.154.076.863	1.979.599.539.887
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	526.467.460	463.685.549	680.156.160	749.029.549
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)		509.676.082.129	478.331.790.230	1.800.473.920.703	1.978.850.510.338
11	4. Giá vốn hàng bán		400.560.887.230	376.518.066.118	1.424.328.773.371	1.563.466.960.248
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		109.115.194.899	101.813.724.112	376.145.147.332	415.383.550.090
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.316.504.551	401.397.836	9.851.756.243	20.290.558.064
22	7. Chi phí tài chính	22	4.081.784.806	14.704.898.096	27.141.204.420	80.916.895.691
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.041.199.473	8.422.496.795	21.979.873.863	27.580.116.911
24	8. Chi phí bán hàng		73.858.275.270	53.396.434.030	243.784.716.162	198.239.688.508
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		10.099.260.864	7.109.344.841	36.070.886.977	44.827.463.033
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))		24.392.378.510	27.004.444.981	79.000.096.016	111.690.060.922
31	11. Thu nhập khác	23	1.033.610.931	2.568.866.329	1.509.402.357	6.429.845.122
32	12. Chi phí khác	23	432.247	2.807.134.180	22.682.462	6.248.855.560
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		1.033.178.684	(238.277.851)	1.486.819.895	180.989.562
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		25.425.557.194	26.766.167.130	80.486.915.911	111.871.050.484
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	7.262.628.247	3.749.919.866	21.031.469.618	14.443.151.450
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(1.598.929.265)	589.125.612	(1.598.929.265)	589.125.612
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		19.761.858.212	22.427.121.652	61.054.375.558	96.838.773.422
	17.1. Lợi ích cổ đông thiểu số		(5.460)	(8.988.768)	(5.608.167)	(17.669.530)
	17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		19.761.863.672	22.436.110.420	61.059.983.725	96.856.442.952
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu		742	1.180	2.293	3.975

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Nguyễn Duy Hưng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế:	01		80.486.915.911	111.871.050.484
2. Điều chỉnh cho các khoản:			86.434.896.405	55.960.408.347
- Khấu hao và khấu trừ	02		57.003.271.828	35.197.821.593
- Các khoản dự phòng	03		(25.397.861)	4.975.848.581
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.088.033.517	253.089.150
- Lãi tiền gửi	05		6.389.115.085	(12.046.467.888)
- Lợi nhuận do thanh lý tài sản cố định	06		-	-
- Chi phí lãi vay	07		21.979.873.836	27.580.116.911
- Lợi thế thương mại	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		166.921.812.316	167.831.458.831
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(22.363.282.337)	(62.864.427.919)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		124.204.026.805	(42.685.703.601)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		47.190.316.480	51.109.611.408
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	12		(4.569.820.853)	(2.736.492.629)
- Tiền lãi vay đã trả	13		21.511.515.799	(27.015.102.530)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.518.761.237)	(13.892.028.487)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.877.417	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.575.597.206	(2.701.199.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		316.963.281.596	67.046.115.813
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(7.005.581.681)	(161.790.025.705)
2. Tiền thu từ t.lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		545.455	287.270.546
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(155.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		57.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.576.737.667	14.503.931.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(101.428.298.559)	(146.998.824.126)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.315.209.757.673	1.112.630.677.217
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.428.285.700.672)	(1.168.346.186.470)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.251.843.545)	(10.156.104.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(183.327.786.544)	(65.871.614.053)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		32.207.196.493	(145.824.322.366)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	51.478.243.869	197.241.764.050
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	60.802.185
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	4	83.685.440.362	51.478.243.869

Q.TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Duy Hưng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Văn

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đây:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày cấp</u>
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 17 tháng 4 năm 2007
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ hai	ngày 9 tháng 11 năm 2007
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ ba	ngày 21 tháng 5 năm 2008
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ tư	ngày 6 tháng 8 năm 2008
4103002690 - Điều chỉnh lần thứ năm	ngày 12 tháng 5 năm 2009
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 23 tháng 9 năm 2010
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 31 tháng 5 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ tám	ngày 26 tháng 8 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ chín	ngày 28 tháng 10 năm 2011
0300405462 - Điều chỉnh lần thứ mười	ngày 05 tháng 07 năm 2012

Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 69/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất pin, ắc quy; kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm pin, ắc quy, vật tư và thiết bị cho sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay Công ty chỉ đang hoạt động sản xuất và phân phối các loại pin và ắc quy.

Công ty có trụ sở chính tại 321 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.149 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1.089).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một công ty con mà Công ty sở hữu 60% vốn điều lệ, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú, đã được hợp nhất vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Công ty con này là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 12 năm 2010. Trụ sở đăng ký của công ty đặt tại số 445-449 Đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính được cấp giấy phép của công ty này là kinh doanh bất động sản, và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty và cổ đông góp vốn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn chính thức vào công ty con này. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khoản chi tạm ứng từ đối tác hợp tác đầu tư dự kiến trong tương lai nhằm trang trải các chi phí ban đầu phát sinh trong kỳ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Nhóm Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con tại ngày và cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của các công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất - kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v), có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.6 *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa & vật kiến trúc	10 - 25 năm
Nhà xưởng & máy móc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định khác	5 năm

3.7 *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Đầu tư chứng khoán*

Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Các khoản dự phòng*

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo thông tư 179/2011/TT-BTC ngày 24/10/2012. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản phải đã thu hoặc sẽ thu được sau khi loại trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Tiền mặt	854.116.968	1.204.167.577
Tiền gửi ngân hàng	82.693.194.668	50.274.076.292
Các khoản tương đương tiền	-	-
TỔNG CỘNG	<u>83.685.440.362</u>	<u>51.478.243.869</u>

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán bao gồm trả trước để nhập khẩu nguyên vật liệu cho sản xuất, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Tiền lãi ngân hàng phải thu	2.812.500.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	468.209.325	21.721.915
Phải thu khác	31.758.000	52.670.646
TỔNG CỘNG	<u>3.312.467.325</u>	<u>74.392.561</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Nguyên vật liệu	187.223.919.316	200.439.520.972
Thành phẩm	95.000.750.935	234.423.337.529
Hàng đi đường	71.660.196.599	41.901.856.727
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.266.684.792	66.805.746.026
Hàng hóa	304.529.293	89.646.486
TỔNG CỘNG	<u>419.456.080.935</u>	<u>543.660.107.740</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(467.151.179)</u>	<u>(158.045.655)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>418.988.929.756</u>	<u>543.502.062.085</u>

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ					
	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Cộng</i>
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu kỳ	102.359.147.713	366.509.180.494	16.832.544.312	7.603.044.328	802.005.300	494.105.922.147
Mua trong kỳ	-	776.520.000	-	10.700.000	-	787.220.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	28.088.994.427	105.552.691.490	-	419.053.228	497.500.000	134.558.239.145
Thanh lý				94.610.750		94.610.750
Số dư cuối kỳ	<u>130.448.142.140</u>	<u>472.838.391.984</u>	<u>16.832.544.312</u>	<u>7.938.186.806</u>	<u>1.299.505.300</u>	<u>629.356.770.542</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu kỳ	(27.746.765.567)	(168.717.917.405)	(7.813.523.987)	(5.015.112.913)	(68.554.973)	(209.361.874.845)
Khấu hao trong kỳ	(7.647.641.469)	(41.050.816.370)	(1.562.472.291)	(1.281.069.406)	(222.687.714)	(51.764.687.250)
Thanh lý				94.610.750		94.610.750
Số dư cuối kỳ	<u>(35.394.407.036)</u>	<u>(209.768.733.775)</u>	<u>(9.375.996.278)</u>	<u>(6.201.571.569)</u>	<u>(291.242.687)</u>	<u>(261.031.951.345)</u>
<i>Giá trị còn lại</i>						
Vào ngày 01/01/2012	74.612.382.146	197.791.263.089	9.019.020.325	2.587.931.415	733.450.327	284.744.047.302
Vào ngày 31/12/2012	<u>95.053.735.104</u>	<u>263.069.658.209</u>	<u>7.456.548.034</u>	<u>1.736.615.237</u>	<u>1.008.262.613</u>	<u>368.324.819.197</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Cộng</i>
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu kỳ	47.293.702.056	2.248.242.720	49.541.944.776
Mua trong kỳ	-	834.415.538	834.415.538
Số dư cuối kỳ	<u>47.293.702.056</u>	<u>3.082.658.258</u>	<u>50.376.360.314</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu kỳ	(18.527.936.164)	(2.000.085.502)	(20.528.021.666)
Khấu hao trong kỳ	(543.360.877)	(220.013.598)	(763.374.475)
Số dư cuối kỳ	<u>(19.071.297.041)</u>	<u>(2.220.099.100)</u>	<u>(21.291.396.141)</u>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Vào ngày 01/01/2012	28.765.765.892	248.157.218	29.013.923.110
Vào ngày 31/12/2012	<u>28.222.405.015</u>	<u>862.559.158</u>	<u>29.084.964.173</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Nhà máy Ác quy Pinaco Nhơn Trạch	215.205.109	23.914.532.327
<i>Hệ thống máy móc, thiết bị</i>	215.205.109	1.489.097.234
<i>Nhà xưởng & vật kiến trúc</i>	-	17.580.966.323
<i>Khác</i>	-	4.844.468.770
Nhà máy Ác quy Pinaco Nhơn Trạch – Phần mở rộng	3.626.443.007	80.009.189.349
<i>Hệ thống máy móc, thiết bị</i>	3.403.193.007	79.848.348.485
<i>Nhà xưởng & vật kiến trúc</i>	223.250.000	160.840.864
<i>Khác</i>	-	-
Nhà máy khác	8.490.355.158	12.280.430.578
<i>Máy móc thiết bị</i>	246.831.797	2.449.493.910
<i>Sửa chữa lớn dở dang</i>	61.172.000	-
<i>Khác</i>	8.182.351.361	9.830.936.668
TỔNG CỘNG	<u>12.116.798.165</u>	<u>116.204.152.254</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Thuê văn phòng và nhà xưởng	708.599.222	459.862.176
Công cụ, dụng cụ	594.099.151	134.419.542
Phí quảng cáo	1.349.505.114	986.485.333
Khác	182.747.728	-
TỔNG CỘNG	<u>2.834.951.215</u>	<u>1.580.767.051</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	31.12.2012	31.12.2011
Thiết bị và công cụ, dụng cụ	3.460.746.260	1.149.285.731
Phí quảng cáo	36.278.533	253.949.728
Khác	1.605.836.294	383.988.939
TỔNG CỘNG	<u>5.102.861.087</u>	<u>1.787.224.398</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Công ty có một công ty con mà Công ty sở hữu 60% vốn điều lệ, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú, là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310500637 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2010. Trụ sở đăng ký của công ty đặt tại số 445-449 Đường Gia Phú, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính được cấp giấy phép của công ty này là kinh doanh bất động sản, và bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty và cổ đông góp vốn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn chính thức vào công ty con này. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số khoản chi tạm ứng từ đối tác hợp tác đầu tư dự kiến trong tương lai nhằm trang trải các chi phí ban đầu phát sinh trong kỳ.

14. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	31.12.2012	31.12.2011
Vay ngắn hạn	292.690.478.278	355.083.299.779
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 19)		6.888.085.578
TỔNG CỘNG	<u>292.690.478.278</u>	<u>361.971.385.357</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

14. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số ngày 31.12.2012			Kỳ hạn trả	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Đô la Mỹ	EUR			
Ngân hàng Thương mại Chinatrust Việt Nam	24.243.963.718	1.164.455,51		28/01/2013 – 13/05/2013	3.50% - 4.50%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	146.049.406.256	7.018.231,92		10/01/2013 – 29/04/2013	3.40% - 5,00%/năm	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	21.345.170.562	1.031.167,66		03/01/2013 – 04/04/2013	3.70%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	45.808.641.744	2.199.420,00		13/04/20112 – 17/04/2013	6,00% - 6,50%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	55.243.295.998	2.654.013,74		06/01/2013 – 02/05/2013	3.70% -4,00%/năm	Tín chấp
TỔNG CỘNG	292.690.478.278	14.067.288,83				

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	7.262.628.246	3.749.919.865
Thuế thu nhập cá nhân	457.082.239	536.893.667
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.059.763.339	2.853.510.339
Các khoản khác	1.229.960	1.377.320
TỔNG CỘNG	<u>8.780.703.784</u>	<u>7.141.701.191</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Hoa hồng và chiết khấu phải trả cho các đại lý	25.651.630.874	15.142.499.980
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.616.737.110
Chi phí lãi vay	468.358.037	1.253.253.326
Chi phí phải trả khác	1.283.771.662	192.000.000
TỔNG CỘNG	<u>27.403.760.573</u>	<u>28.204.490.416</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Kinh phí công đoàn	2.915.610.111	2.994.706.669
Bảo hiểm xã hội	85.809.673	64.044.689
Bảo hiểm y tế	468.947.619	
Bảo hiểm thất nghiệp		11.152.863.000
Cổ tức phải trả cho công ty mẹ	18.638.431.700	1.564.974.918
Khác	1.227.068.168	
TỔNG CỘNG	<u>23.335.867.271</u>	<u>15.776.589.276</u>

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành của sản phẩm đã bán còn trong thời hạn bảo hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

19. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	31.12.2012	31.12.2011
Vay ngân hàng	-	16.261.492.104
Vay từ bên liên quan	-	-
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>16.261.492.104</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)</i>	-	6.888.085.578
<i>Nợ dài hạn</i>	-	9.373.406.526

Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ mua máy móc thiết bị.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu kỳ	225.501.220.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	58.684.898.016	21.036.091.015	127.570.246.793	480.720.433.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	96.838.773.422	96.838.773.422
Lợi ích của cổ đông thiểu số							17.669.530	17.669.530
Chi trả cổ tức								
- Bằng cổ phiếu	44.377.210.000	-	-	-	-	-	(44.377.210.000)	-
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(21.301.064.800)	(21.301.064.800)
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	18.492.629.159	4.125.806.215	(22.618.435.374)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(6.601.289.944)	(6.601.289.944)
Số cuối kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Năm nay								
Số đầu kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	77.177.527.175	25.161.897.230	129.528.689.627	549.674.522.130
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	61.054.375.558	61.054.375.558
Lợi ích của cổ đông thiểu số							5.608.167	5.608.167
Chi trả cổ tức								
- Trích trước chia cổ tức (T1.2013)	-	-	-	-	-	-	-18.638.431.700	-18.638.431.700
- Bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
- Bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-58.577.928.200	-58.577.928.200
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	2.973.473.335	1.825.945.770	-4.799.419.105	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.946.946.671)	(5.946.946.671)
Số cuối kỳ	269.878.430.000	62.295.088.755	(14.367.110.657)	-	80.151.000.510	26.987.843.000	102.625.947.676	527.571.199.283

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
20.2 Vốn cổ phần đã phát hành

	31.12.2012		31.12.2011	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.987.843	269.878.430.000	26.987.843	269.878.430.000
Cổ phiếu quỹ nắm giữ				
Cổ phiếu phổ thông	(361.512)	(14.367.110.657)	(361.512)	(14.367.110.657)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.626.331	266.263.310.000	26.626.331	266.263.310.000

20.3 Cổ tức

VNĐ
Kỳ này

Cổ tức chi trả trong năm

- Cổ tức đợt 2 năm 2011 : 1.400 đồng/cp, chi trả bằng tiền mặt. 37.276.863.400
- Cổ tức đợt 1 năm 2012 : 800 đồng/cp, chi trả bằng tiền mặt. 21.301.064.800

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

VNĐ

Kỳ này

Kỳ trước

Tổng doanh thu bán hàng	1.801.154.076.863	1.979.599.539.887
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán trả lại	680.156.160	749.029.549
Giảm giá hàng bán		
Doanh thu thuần	1.800.473.920.703	1.978.850.510.338

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

Kỳ này

Kỳ trước

Lãi tiền gửi	6.309.569.197	11.759.197.342
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.310.949.546	8.517.148.856
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.088.033.517	-
Khác	143.203.983	14.211.866
TỔNG CỘNG	9.851.756.243	20.290.558.064

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

Kỳ này

Kỳ trước

Chi phí lãi vay	21.979.873.863	27.580.116.911
Chiết khấu thanh toán	742.334.279	1.230.017.604
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.418.996.278	51.853.672.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	253.089.150
TỔNG CỘNG	27.141.204.420	80.916.895.691

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
		VNĐ
Thu nhập khác	1.509.402.356	6.429.845.122
Thu bán phế liệu	1.133.876.185	6.142.574.576
Thu thanh lý tài sản	545.455	287.270.546
Thu nhập khác	374.980.717	
Chi phí khác	22.582.462	6.247.205.560
Giá vốn của bán phế liệu		5.375.822.604
Thuế GTGT không được khấu trừ		828.781.255
Chi phí khác	22.582.462	42.601.701
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.486.819.895</u>	<u>182.639.562</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
		VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	1.415.982.752.631	1.422.029.027.317
Chi phí nhân công	145.780.505.579	149.585.368.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.785.458.421	57.614.994.806
Chi phí khấu hao và khấu trừ (Thuyết minh số 8 và số 9)	57.003.271.828	35.197.821.593
Chi phí khác	138.751.654.200	142.064.171.755
TỔNG CỘNG	<u>1.817.303.642.659</u>	<u>1.806.491.383.489</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ tài chính.

Công ty Cổ phần Pin Ác Quy Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Kỳ nay			VNĐ
	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>Hoạt động khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Kỳ trước</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	79.014.116.434	1.486.819.894	80.500.936.328	111.915.224.310
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán	3.624.942.146	-	3.624.942.146	-
Chi phí không được khấu trừ	1.492.859.662		1.492.859.662	1.435.584.622
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(2.239.345.232)		(2.239.345.232)	2.239.345.232
Thay đổi chi phí phải trả	306.876.371		306.876.371	757.014.381
Thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi	-		-	(450.939.561)
Thay đổi chi phí bảo hành	3.791.532.782		3.791.532.782	(316.755.719)
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	309.105.523		309.105.523	158.045.655
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(36.086.960)		(36.086.960)	(497.621.346)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	82.639.058.580	1.486.819.894	84.125.878.474	115.239.897.574
Thuế TNDN tạm tính trước khi giảm trừ	20.659.764.645	371.704.973	21.031.469.618	28.809.974.394
Thuế TNDN được giảm trừ 50%	-	-	-	14.366.822.944
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	20.659.764.645	371.704.973	21.031.469.618	14.443.151.450
Thuế TNDN phải trả đầu năm			3.749.919.865	3.198.796.902
Thuế TNDN trả trong năm			(17.518.761.237)	(13.892.028.487)
Thuế TNDN phải trả cuối năm			7.262.628.246	3.749.919.865

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hoãn lại

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	
	31.12.2012	31.12.2011
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	279.918.154
Chi phí phải trả	438.032.425	180.656.666
Chi chí bảo hành	2.110.017.689	581.067.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	116.787.795	19.755.707
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	2.664.837.909	1.065.908.644

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i> VNĐ
Công ty Cổ phần Tài chính Hóa chất Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Khoản vay đã trả Tiền đã gửi Lãi tiền gửi	- 15.000.000.000 128.000.000
Công ty Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	344.809.550
Công ty TNHH MTV Cơ Bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua nguyên vật liệu	9.815.972.760

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải thu, phải trả bên liên quan được thể hiện như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i> VNĐ
Phải thu khách hàng			
Công ty Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Công ty trong cùng Tập đoàn	Ký quỹ để mua nguyên vật liệu	136.775.100
Phải trả khách hàng			
Công ty TNHH MTV Cơ Bản Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua vật tư	1.446.679.960

28. CÁC CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có cam kết đầu tư xây dựng phục vụ mở rộng sản xuất đáp ứng thị trường với số tiền là 5.864.240.486 VNĐ, bao gồm :

VNĐ

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc và thiết bị	2.442.443.467	9.976.256.827
Nhà cửa và vật kiến trúc	2.044.527.912	2.117.067.148
Hệ thống điện	91.239.107	400.807.235
Dây chuyền sản xuất chi		435.714.949
Khác	1.286.030.000	314.887.800
TỔNG CỘNG	5.864.240.486	13.244.733.959

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

- Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2012 là 700 đồng/cp (7%) vào ngày 17/01/2013.
- Kiểm toán Nhà Nước (KTNN) kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 và dự án đầu tư Nhà Máy Ác Quy Đồng Nai 2 từ ngày 06 – 30/11/2012. Kết quả chính thức sẽ công bố năm 2013. Theo đánh giá ban đầu của KTNN thì Pinaco cơ bản tuân thủ đúng các quy định của Nhà Nước.



Nguyễn Duy Hưng
Q.TP Kế Toán Tài Chính




Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 02 năm 2013